



CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN MBG
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho kỳ năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

CHI NHÁNH MIỀN BẮC

MỤC LỤC

	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH	4 - 5
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	6 - 7
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	8
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	9 - 10
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	11 - 44

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn MBG (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình Báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN ĐIỀU HÀNH, QUẢN LÝ

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý Công ty trong kỳ và đến thời điểm lập Báo cáo này gồm:

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>	
<u>Hội đồng Quản trị</u>		
Ông Phạm Huy Thành	Chủ tịch	
Bà Đặng Thị Tuyết Lan	Ủy viên	
Ông Nguyễn Đức Thuận	Ủy viên	(*) <i>Miễn nhiệm</i>
Ông Dương Quang Đông	Ủy viên	
Bà Vương Bảo Yến	Ủy viên	
Bà Trần Thúy Loan	Ủy viên	(*) <i>Bỏ nhiệm</i>
<u>Ban kiểm soát</u>		
Bà Phạm Tuyết Nhung	Trưởng ban	
Bà Nguyễn Thị Hạnh	Thành viên	
Bà Nguyễn Thị Mai	Thành viên	
<u>Ban Tổng Giám đốc</u>		
Ông Phạm Huy Thành	Tổng Giám đốc	(**) <i>Miễn nhiệm</i>
Ông Phạm Đình Trung	Tổng Giám đốc	(**) <i>Bỏ nhiệm</i>
Ông Dương Quang Đông	Phó Tổng Giám đốc	
Bà Phạm Thị Tuyết Lan	Phó Tổng Giám đốc	

(*) Ông Nguyễn Đức Thuận miễn nhiệm thành viên HĐQT từ ngày 09/06/2020 và Bà Trần Thúy Loan được bổ nhiệm thành viên HĐQT từ ngày 09/06/2020 theo Nghị quyết số 0906/2020/MBG/NQ-ĐHĐCĐ ngày 09/06/2020 của Đại hội đồng cổ đông.

(**) Ông Phạm Huy Thành miễn nhiệm chức vụ Tổng Giám đốc kể từ ngày 28/7/2020 và ông Phạm Đình Trung được bổ nhiệm chức vụ Tổng Giám đốc kể từ ngày 28/7/2020 theo Quyết định số 2807/2020/QĐ-HĐQT ngày 28/07/2020 của Hội đồng quản trị.

ĐẠI DIỆN PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty: Ông Phạm Huy Thành.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc Công ty cần phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các phán đoán và các ước tính một cách thận trọng;
- Công bố các Chuẩn mực kế toán phải tuân theo trong các vấn đề trọng yếu được công bố và giải trình trong Báo cáo tài chính;

- Lập Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng, Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập Báo cáo tài chính; các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tại bất kỳ thời điểm nào, với mức độ chính xác hợp lý tình hình tài chính của Công ty và Báo cáo tài chính được lập tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm trong việc bảo vệ an toàn tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư 155/2015/TT-BTC, ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc:

Hà Nội, ngày 24 tháng 3 năm 2021



Phạm Huy Thành
Chủ tịch HĐQT

Số: 01/2403/2021/BCKT-TC/VIETLAND-MBG

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

**Kính gửi: QUÝ CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN MBG**

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Tập đoàn MBG, được lập ngày 24 tháng 3 năm 2021, từ trang 6 đến trang 44 bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn MBG chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính của công ty và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến Kiểm toán viên

Theo ý kiến của Chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Tập đoàn MBG tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 đã được Công ty TNHH Kiểm toán TTP kiểm toán và đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần đối với báo cáo tài chính đó vào ngày 08 tháng 4 năm 2020. Đồng thời, báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 đã được Công ty TNHH Kiểm toán và Thẩm định giá Việt Nam soát xét và đưa ra kết luận chấp nhận toàn phần đối với báo cáo tài chính giữa niên độ đó vào ngày 02 tháng 8 năm 2019.

Lập, ngày 24 tháng 3 năm 2021

**Công ty TNHH Kiểm toán - Tư vấn Đất Việt -
CN Miền Bắc**



Nguyễn Mai Lan - Giám đốc
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1425-2018-037-1

Nguyễn Ngọc Quang - Kiểm toán viên
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 4036-2019-037-1

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN MBG
Số 906 Nguyễn Khoái, tổ 10, Q. Hoàng Mai, TP. Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
Bảng cân đối kế toán

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020


MẪU B01a-DN
Đơn vị: VND


CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	31/12/2020	01/01/2020
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		504.826.009.657	252.836.961.949
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	20.440.647.731	19.540.261.951
1. Tiền	111		5.440.647.731	19.540.261.951
2. Các khoản tương đương tiền	112		15.000.000.000	-
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		391.180.284.544	187.465.321.480
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2	158.628.931.534	187.476.447.463
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.3	215.416.974.281	50.000.000
3. Phải thu ngắn hạn khác	136		17.195.662.229	157.517
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.4	(61.283.500)	(61.283.500)
III. Hàng tồn kho	140		92.832.258.192	45.556.401.876
1. Hàng tồn kho	141	V.5	92.832.258.192	45.556.401.876
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		372.819.190	274.976.642
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		56.376.139	32.917.428
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		316.443.051	242.059.214
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		279.136.700.476	267.636.199.281
I. Tài sản cố định	210		46.260.423.142	54.641.280.509
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.6	46.260.423.142	54.641.280.509
- Nguyên giá	222		65.279.500.391	65.279.500.391
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(19.019.077.249)	(10.638.219.882)
II. Tài sản dở dang dài hạn	240		3.876.277.334	-
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		3.876.277.334	-
III. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	V.7	229.000.000.000	212.994.918.772
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		229.000.000.000	213.000.000.000
2. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	(5.081.228)
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		783.962.710.133	520.473.161.230

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN MBG
Số 906 Nguyễn Khoái, tổ 10, Q. Hoàng Mai, TP. Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	31/12/2020	01/01/2020
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		50.161.418.979	65.085.266.062
I. Nợ ngắn hạn	310		49.708.585.663	64.385.432.738
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.8	15.007.434.180	42.652.818.802
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	313	V.9	2.957.328.000	126.918.000
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.10	7.264.190.929	4.683.015.073
5. Phải trả ngắn hạn khác	319		11.300.812.416	604.973
6. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.11	12.870.000.008	16.747.000.008
7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		308.820.130	175.075.882
II. Nợ dài hạn	330		452.833.316	699.833.324
1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.11	452.833.316	699.833.324
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		733.801.291.154	455.387.895.168
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.12	733.801.291.154	455.387.895.168
1. Vốn điều lệ	411		680.952.000.000	418.400.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		(105.794.733)	-
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		2.088.291.811	1.453.059.074
3. Lợi nhuận chưa phân phối	421		50.866.794.076	35.534.836.094
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối đến cuối kỳ trước	421a		22.135.859.110	14.360.411.215
- Lợi nhuận kỳ này	421b		28.730.934.966	21.174.424.879
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		783.962.710.133	520.473.161.230

Hà Nội, ngày 24 tháng 3 năm 2021


Nguyễn Thị Quyên
Người lập biểu


Nguyễn Thị Bích
Kế toán trưởng



Phạm Huy Thành
Chủ tịch HĐQT


BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

MẪU B02a-DN
 Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Cho năm tài chính	Cho năm tài chính
			kết thúc ngày 31/12/2020	kết thúc ngày 31/12/2019
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	717.236.303.543	662.942.525.446
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.1	717.236.303.543	662.942.525.446
4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	VI.2	674.772.937.018	634.485.494.487
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		42.463.366.525	28.457.030.959
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	11.476.229	3.004.717.699
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	1.378.289.634	652.948.384
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		1.378.289.634	647.867.156
8. Chi phí bán hàng	25	VI.5	891.149.106	628.699.061
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.5	4.038.227.085	3.599.830.266
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		36.167.176.929	26.580.270.947
11. Thu nhập khác	31		-	12.804.418
12. Chi phí khác	32		142.904.786	38.876.424
13. Lợi nhuận khác	40		(142.904.786)	(26.072.006)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		36.024.272.143	26.554.198.941
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.7	7.293.337.177	5.379.774.062
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		28.730.934.966	21.174.424.879
17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.8	612	496
18. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	70	VI.8	585	482

Hà Nội, ngày 24 tháng 3 năm 2021


 Nguyễn Thị Quyên
 Người lập biểu


 Nguyễn Thị Bích
 Kế toán trưởng


 Phạm Huy Thành
 Chủ tịch HĐQT

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN MBG
Số 906 Nguyễn Khoái, tổ 10, Q. Hoàng Mai, TP. Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020


MẪU B03a-DN
Đơn vị: VND


CHỈ TIÊU	Mã số	Cho năm tài chính	Cho năm tài chính
		kết thúc ngày 31/12/2020	kết thúc ngày 31/12/2019
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	36.024.272.143	26.554.198.941
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	8.380.857.367	3.710.428.455
- Các khoản dự phòng	03	-	5.081.228
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(11.476.229)	(3.017.522.117)
- Chi phí lãi vay	06	1.378.289.634	647.867.156
- Các khoản điều chỉnh khác	07	-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	45.771.942.915	27.900.053.663
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(203.789.346.901)	32.458.774.332
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(47.275.856.316)	1.871.159.865
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(13.364.667.386)	(15.553.495.366)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	(23.458.711)	552.935.052
- Tiền lãi vay đã trả	13	(1.383.370.862)	(647.867.156)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(4.728.516.866)	(3.859.960.855)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	-	-
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh			(22.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(224.793.274.127)	42.699.599.535
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(3.876.277.334)	(36.881.837.273)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	-	400.000.000
3. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(16.000.000.000)	(42.000.000.000)
4. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	30.000.000.000
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	11.476.229	3.004.717.699
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(19.864.801.105)	(45.477.119.574)

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN MBG
 Số 906 Nguyễn Khoái, tổ 10, Q. Hoàng Mai, TP. Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Cho năm tài chính	Cho năm tài chính
		kết thúc ngày 31/12/2020	kết thúc ngày 31/12/2019
III LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	262.552.000.000	-
2. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	52.708.000.000	25.488.000.000
3. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(56.832.000.008)	(16.491.166.668)
4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(12.869.538.980)	-
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	40	245.558.461.012	8.996.833.332
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	900.385.780	6.219.313.293
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	19.540.261.951	13.320.948.658
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá quy đổi ngoại tệ	61	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	20.440.647.731	19.540.261.951

Hà Nội, ngày 24 tháng 3 năm 2021


 Nguyễn Thị Quyên
 Người lập biểu


 Nguyễn Thị Bích
 Kế toán trưởng


 Phạm Huy Thành
 Chủ tịch HĐQT

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN MBG

Số 906 Nguyễn Khoái, tổ 10, Q. Hoàng Mai, TP. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản Thuyết minh báo cáo tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

MẪU B09a-DN

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Tập đoàn MBG (“Công ty”) tiền thân là Công ty TNHH Xuất nhập khẩu và Đầu tư Thương mại Việt Nam được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0102032308, cấp ngày 04/10/2007. Sau khi chuyển đổi Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0102382580, đăng ký lần đầu ngày 23/02/2009, đăng ký thay đổi lần thứ 18 ngày 11/12/2020 do Sở kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Trụ sở chính của Công ty tại: Số 906, Nguyễn Khoái, tổ 10, phường Thanh Trì, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội.

Văn phòng giao dịch tại: Số 7 lô N1 Hồ Đình B, phường Thanh Lương, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội.

Nhà máy của công ty đặt tại: Xóm Ao Kênh, xã Liên Sơn, Huyện Lương Sơn, Tỉnh Hòa Bình.

Vốn điều lệ	: 680.952.000.000 VND
Số cổ phiếu	: 68.095.200.000 cổ phiếu
Mệnh giá	: 10.000 VND/cổ phiếu

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là sản xuất, thi công lắp đặt, kinh doanh thương mại và dịch vụ.

3. Ngành, nghề kinh doanh

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, ngành nghề kinh doanh của Công ty là:

- Sản xuất thiết bị điện chiếu sáng. Chi tiết: Sản xuất vật phóng điện, đèn nóng sáng, đèn huỳnh quang, đèn tia cực tím, đèn dùng hồng ngoại, đèn, thiết bị phụ và bóng đèn; sản xuất đèn bàn (đồ chiếu sáng cố định);
- Xây dựng nhà các loại;
- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí. Chi tiết: Lắp đặt hệ thống lò sưởi và điều hòa không khí;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác. Chi tiết: Thi công các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông thủy lợi và các công trình đô thị nhóm B,C; Xây dựng công trình giao thông thủy lợi, công trình hạ tầng đô thị và khu công nghiệp, công trình cấp thoát nước, công trình dây trạm biến áp thể điện 35kw;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng. Chi tiết: Bán buôn tre, nứa, gỗ cây và gỗ chế biến; bán buôn xi măng; bán buôn gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi; bán buôn kính xây dựng; bán buôn gạch ốp lát và thiết bị vệ sinh; bán buôn đồ ngũ kim; bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN MBG

Số 906 Nguyễn Khoái, tổ 10, Q. Hoàng Mai, TP. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản Thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng khác. Chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng; bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện tử); bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi); bán buôn máy móc, trang thiết bị, dụng cụ, vật tư y tế (Đối với các ngành nghề kinh doanh có điều kiện, doanh nghiệp chỉ kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật).

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

5. Các đơn vị liên kết***Danh sách các công ty liên doanh, liên kết***

Công ty	Địa chỉ	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty Cổ phần PJACA GROUP	Số 773 Nguyễn Khoái, phường Thanh Trì, quận Hoàng Mai, TP. Hà Nội	Xây dựng nhà các loại; Sản xuất các loại bao bì nhựa, chai pet, các sản phẩm nhựa và vỏ hộp từ nhựa. Xây dựng nhà các loại, kinh doanh thương mại.
Công ty Cổ phần VCADO GLOBAL	Số 906, đường Nguyễn Khoái, P. Thanh Trì, Q. Hoàng Mai, TP. Hà Nội	Xây dựng nhà các loại, kinh doanh thương mại.
Công ty Cổ phần Zone Việt	Cụm Đồi Vàng, xã Thành Lập, huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình	Xây dựng nhà các loại, kinh doanh thương mại.
Công ty Cổ phần MBG Lạc Sanh Phú Yên	Thôn Bình Thắng, xã Sơn Thành Đông, huyện Tây Hòa, tỉnh Phú Yên	Du lịch nghỉ dưỡng; Dịch vụ tắm hơi, massage và các dịch vụ tăng cường sức khỏe.
Công ty Cổ phần PJACA Phú Yên	Một phần lô D4 và một phần lô D5 KCN An Phú, xã Bình Kiến, TP Tuy Hòa, Tỉnh Phú Yên, Việt Nam	Sản xuất các loại bao bì nhựa, chai pet, các sản phẩm nhựa và vỏ hộp từ nhựa.
Công ty Cổ phần Công nghiệp Miền Trung	Lô D12, một phần lô D4 và một phần lô D5 KCN An Phú, xã Bình Kiến, TP Tuy Hòa, Tỉnh Phú Yên, Việt Nam	Sản xuất sơn và chất phủ bề mặt.
Công ty Cổ phần Green Island	Xóm mới, Xã Thung Nai, Huyện Cao Phong, Tỉnh Hòa Bình, Việt Nam.	Du lịch nghỉ dưỡng và du lịch sinh thái



CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN MBG

Số 906 Nguyễn Khoái, tổ 10, Q. Hoàng Mai, TP. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản Thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

II. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc tại ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính, Thông tư 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 200/2014/TT-BTC, các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thực hiện kèm theo.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được trình bày phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

2. Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày Báo cáo tài chính cũng như các số liệu về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

3. Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp cho mục đích thuyết minh trong Báo cáo tài chính bao gồm các nhóm: tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN MBG

Số 906 Nguyễn Khoái, tổ 10, Q. Hoàng Mai, TP. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản Thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tài sản tài chính của Công ty gồm tiền và các khoản tương đương tiền, chứng khoán kinh doanh, đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, phải thu của khách hàng, phải thu nội bộ, phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng, phải thu về cho vay, phải thu khác, giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính được phân loại một cách phù hợp cho mục đích thuyết minh trong Báo cáo tài chính bao gồm các nhóm: nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả nội bộ, phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng, phải trả khác, vay và nợ thuê tài chính, giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ, trái phiếu chuyển đổi và cổ phiếu ưu đãi.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên Bảng cân đối kế toán nếu và chỉ nếu, Công ty có quyền hợp pháp thi hành việc bù trừ các giá trị đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần, hoặc thu được các tài sản và thanh toán phải trả đồng thời.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau khi ghi nhận ban đầu.

4. Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và tiền gửi ngân hàng.

5. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính của Công ty thể hiện các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác.

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay theo kế ước giữa các bên nhưng không được giao dịch mua, bán trên thị trường như chứng khoán. Tùy theo từng trường hợp, các khoản cho vay theo kế ước có thể được thu hồi một lần tại thời điểm đáo hạn hoặc thu hồi dần từng kỳ.

Thu nhập lãi tiền cho vay được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính trong kỳ.

Đối với các khoản cho vay, nếu chưa được lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật, Công ty tiến hành đánh giá khả năng thu hồi. Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản cho vay có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ và giảm trừ trực tiếp giá trị khoản cho vay.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN MBG

Số 906 Nguyễn Khoái, tổ 10, Q. Hoàng Mai, TP. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản Thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo nguyên tắc giá gốc, bao gồm giá mua cộng với các chi phí liên quan trực tiếp đến hoạt động đầu tư.

Cổ tức và lợi nhuận từ đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính trong kỳ. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập khi khoản đầu tư bị tổn thất tại ngày Báo cáo tài chính. Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập chi tiết như sau:

- Đối với khoản đầu tư chứng khoán niêm yết, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của các loại chứng khoán mà Công ty đang nắm giữ;

- Đối với khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị chưa niêm yết, việc lập phòng dựa trên giá trị hợp lý của các khoản đầu tư được xác định dựa trên các kỹ thuật định giá một cách đáng tin cậy;

- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại ngày Báo cáo tài chính, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của Công ty tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực tại ngày Báo cáo tài chính của đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày Báo cáo tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ.

Lãi/lỗ khi thanh lý, nhượng bán đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

6. Nợ phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu của khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

- Phải thu của khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty bao gồm các khoản phải thu về tiền bán hàng, phải thu tiền thi công xây dựng các công trình, phải thu dịch vụ cung cấp.

- Phải thu khác gồm các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán, bao gồm các khoản phải thu tạo ra doanh thu tài chính, như: phải thu lãi tiền gửi, lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia; các khoản phải chi hộ bên thứ ba được quyền nhận lại, các khoản bên nhận ủy thác xuất khẩu phải thu hộ cho bên giao ủy thác; các khoản phải thu không mang tính thương mại như cho mượn tài sản, phải thu về tiền phạt, bồi thường, tạm ứng nhân viên; các ký quỹ, ký cược và các khoản phải thu khác.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ 6 tháng trở lên hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra tại ngày Báo cáo tài chính đối với các khoản nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi, như khách nợ đã lâm vào

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN MBG

Số 906 Nguyễn Khoái, tổ 10, Q. Hoàng Mai, TP. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản Thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

tình trạng phá sản, hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn và các trường hợp khó khăn tương tự. Tăng, giảm số dư dự phòng phải thu khó đòi được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

7. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối kỳ: Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo chi phí phát sinh thực tế cho từng loại sản phẩm chưa hoàn thành

Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất trong trường hợp giá trị thực tế của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày Báo cáo tài chính. Tăng, giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

8. Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, phù hợp với hướng dẫn theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 của Bộ Tài chính, Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13 tháng 10 năm 2016 của Bộ Tài chính về “Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013” và Thông tư số 28/2017/TT-BTC ngày 12 tháng 4 năm 2017 của Bộ Tài chính về “Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 và Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13 tháng 10 năm 2016 của Bộ Tài chính Hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định”, cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Nhà xưởng, vật kiến trúc	9 - 10 năm
Máy móc thiết bị	5 - 7 năm
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	6 - 7 năm

9. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang thể hiện chi phí mua sắm tài sản cố định, chi phí liên quan trực tiếp đến việc thực hiện các dự án, chi phí xây dựng cơ bản các công trình, tài sản và chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định chưa hoàn thành tại ngày Báo cáo tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN MBG

Số 906 Nguyễn Khoái, tổ 10, Q. Hoàng Mai, TP. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản Thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

10. Các khoản trả trước

Chi phí trả trước thể hiện khoản trả trước tiền mua bảo hiểm, chi phí sửa chữa văn phòng và các chi phí khác.

Các chi phí trả trước được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian không quá 12 tháng hoặc một chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường kể từ thời điểm trả trước được phản ánh vào “chi phí trả trước ngắn hạn”; ngược lại, các chi phí trả trước có thời hạn trên 12 tháng hoặc hơn một chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường kể từ thời điểm trả trước được phản ánh vào “chi phí trả trước dài hạn”.

Các chi phí trả trước dài hạn khác bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện nhỏ đã xuất dùng và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế tương lai cho Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản chi phí trả trước dài hạn và được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ theo phương pháp đường thẳng theo thời gian sử dụng ước tính từ 2 đến 3 năm.

11. Nợ phải trả và chi phí trích trước

Khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận trên cơ sở số phải thanh toán trong tương lai liên quan đến các tài sản và dịch vụ đã nhận được mà không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hay chưa nhận được hóa đơn.

12. Vay và nợ phải trả thuê tài chính

Giá trị khoản nợ phải trả thuê tài chính là tổng số tiền phải trả được tính bằng giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu hoặc giá trị hợp lý của tài sản thuê.

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng kế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay, nợ thuê tài chính. Trường hợp vay, nợ bằng ngoại tệ thì thực hiện theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

13. Vốn góp

Vốn cổ phần thể hiện giá trị danh nghĩa của các cổ phiếu đã phát hành.

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp và được sử dụng vào việc đầu tư mở rộng quy mô sản xuất, kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập lũy kế của Công ty tại thời điểm báo cáo.

14. Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng trước khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN MBG

Số 906 Nguyễn Khoái, tổ 10, Q. Hoàng Mai, TP. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản Thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trong trường hợp giao dịch về các dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày Báo cáo tài chính. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán;
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Tiền lãi

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng (nếu có và lãi tiền gửi được đánh giá là trọng yếu).

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty đã được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, mà không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

15. Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong kỳ bao gồm chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh. Trong trường hợp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau mới phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu thì được ghi nhận giảm doanh thu theo nguyên tắc: nếu phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của kỳ lập Báo cáo (kỳ trước), và nếu phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì ghi giảm doanh thu của kỳ phát sinh (kỳ sau).

16. Ghi nhận chi phí

Chi phí là những khoản giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Chi phí được ghi nhận theo thực tế phát sinh trên nguyên tắc phù hợp với doanh thu trong kỳ. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để bảo đảm phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN MBG

Số 906 Nguyễn Khoái, tổ 10, Q. Hoàng Mai, TP. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản Thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

17. Chi phí đi vay

Tất cả các chi phí lãi vay được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

18. Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp đó, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

19. Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty sau khi trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng cách điều chỉnh lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) và số bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành do ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN MBG
 Số 906 Nguyễn Khoái, tổ 10, Q. Hoàng Mai, TP. Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
Bản Thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

20. Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan của Công ty nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của cá nhân được coi là liên quan.

21. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận kinh doanh bao gồm bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và bộ phận theo khu vực địa lý.

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh: là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. TIỀN

	<u>31/12/2020</u>	<u>01/01/2020</u>
	VND	VND
Tiền mặt	1.643.348.142	2.571.661.629
Tiền gửi ngân hàng	3.797.299.589	16.968.600.322
Tiền đang chuyển		
Các khoản tương đương tiền	15.000.000.000	-
- Tiền gửi ngân hàng VND	15.000.000.000	-
- Tiền gửi ngân hàng USD	-	-
	<u>20.440.647.731</u>	<u>19.540.261.951</u>

Đây là các khoản tiền gửi có kỳ hạn 32 ngày tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam theo hợp đồng số 01.2020/5263251-HDTG.ĐLA-MBG ngày 24 tháng 12 năm 2020 với giá trị là 15.000.000.000 VND. Lãi suất là 3%/năm, tiền gốc và lãi phát sinh sẽ được thanh toán một lần tại ngày đáo hạn của hợp đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN MBG
Số 906 Nguyễn Khoái, tổ 10, Q. Hoàng Mai, TP. Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
Bản Thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

2. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	<u>31/12/2020</u>	<u>01/01/2020</u>
	VND	VND
a, Ngắn hạn		
Công Ty TNHH MTV BCA Thăng Long	2.750.987.529	1.296.599.535
Công ty CP Tập đoàn EVERLAND	-	36.881.838.434
Công ty Cổ Phần KOSY	-	32.875.630.250
Công Ty TNHH Ánh Sáng Tiến Dư	18.902.591.740	6.823.689.000
Công ty TNHH Đầu Tư và Xây Dựng Công Trình Trường Thịnh	7.002.782.924	5.616.029.073
Công ty CP Biển Bạc	-	25.467.398.000
Công ty CP Delta Việt Nam	-	27.937.593.022
Công ty Cổ phần AIRPOWER	10.624.540.116	-
Công ty Cổ phần MEPPRO	16.724.134.341	-
Công ty TNHH Tư vấn và thương mại Nam Thăng Long	31.437.748.760	-
Công ty TNHH Sản xuất và thương mại TUẤN HÙNG	10.102.221.200	3.736.755.200
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	61.083.924.924	46.840.914.949
	<u>158.628.931.534</u>	<u>187.476.447.463</u>

3. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	<u>31/12/2020</u>	<u>01/01/2020</u>
	VND	VND
Công ty TNHH TM Hà Vĩnh	40.000.000.000	-
Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại Kim khí Thành Hưng	14.734.705.140	-
Công ty TNHH VIDEKO Hà Thành	78.268.475.969	-
Công ty Cổ phần Vân Phong Toàn Cầu	81.438.785.076	-
Công ty TNHH Kiểm Toán và Thẩm Định Giá Việt Nam	-	50.000.000
Các khoản trả trước người bán ngắn hạn khác	975.008.096	-
	<u>215.416.974.281</u>	<u>50.000.000</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN MBG

Số 906 Nguyễn Khoái, tổ 10, Q. Hoàng Mai, TP. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản Thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)**4. NỢ XẤU**

	31/12/2020			01/01/2020		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Công ty CP Thế giới số Trần Anh	61.283.500	(61.283.500)	-	61.283.500	(61.283.500)	-
Cộng	61.283.500	(61.283.500)	-	61.283.500	(61.283.500)	-

5. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá gốc	VND Dự phòng	Giá gốc	VND Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	22.097.590.466	-	18.905.727.395	-
Công cụ, dụng cụ	-	-	3.200.476.200	-
Thành phẩm	23.104.691.307	-	12.906.085.863	-
Hàng hoá	47.629.976.419	-	10.544.112.418	-
	92.832.258.192	-	45.556.401.876	-

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN MBG

Số 906 Nguyễn Khoái, tổ 10, Q. Hoàng Mai, TP. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản Thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)**6. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Tài sản có định khác	Tổng
	VND	VND	VND		VND
NGUYÊN GIÁ					
Tại ngày 01/01/2020	21.578.921.664	41.668.114.759	1.909.368.727	123.095.241	65.279.500.391
Mua sắm	-	-	-	-	-
Thanh lý	-	-	-	-	-
Tại ngày 31/12/2020	21.578.921.664	41.668.114.759	1.909.368.727	123.095.241	65.279.500.391
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Tại ngày 01/01/2020	5.556.165.080	4.378.164.276	580.795.285	123.095.241	10.638.219.882
Khấu hao trong năm	2.188.386.636	5.903.810.932	288.659.799	-	8.380.857.367
Thanh lý	-	-	-	-	-
Tại ngày 31/12/2020	7.744.551.716	10.281.975.208	869.455.084	123.095.241	19.019.077.249
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày 31/12/2020	13.834.369.948	31.386.139.551	1.039.913.643	-	46.260.423.142
Tại ngày 01/01/2020	16.022.756.584	37.289.950.483	1.328.573.442	-	54.641.280.509

Nguyên giá TSCĐ hữu hình tại 31/12/2020 đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng:

Giá trị còn lại cuối kỳ của TSCĐ hữu hình dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo khoản vay:

2.757.032.363 đồng

1.039.913.643 đồng

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN MBG
Số 906 Nguyễn Khoái, tổ 10, Q. Hoàng Mai, TP. Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
Bản Thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

7. ĐẦU TƯ GÓP VỐN VÀO ĐƠN VỊ KHÁC

	31/12/2020		01/01/2020	
	Tỷ lệ	Giá gốc	Giá gốc	Giá trị hợp lý
	sở hữu	VND	VND	VND
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết				
	19,5%	36.000.000.000	36.000.000.000	(*)
Công ty Cổ phần PJACA GROUP				(*)
Công ty Cổ phần VCADO GLOBAL		48.000.000.000	48.000.000.000	(*)
Công ty Cổ phần MBG Lạc Sanh Phú Yên		24.000.000.000	24.000.000.000	(*)
Công ty Cổ phần Zone Việt		40.000.000.000	40.000.000.000	(*)
Công ty Cổ phần PJACA Phú Yên		15.000.000.000	15.000.000.000	(*)
Công ty Cổ phần Công nghiệp Miền Trung		50.000.000.000	50.000.000.000	(*)
Công ty Cổ phần Green Island		16.000.000.000	-	(*)
Cộng		229.000.000.000	213.000.000.000	-
				5.081.228

(1) Công ty CP PJACA GROUP

- Theo Quyết định của Hội đồng quản trị số 13/QĐ ngày 24/12/2015, Công ty đầu tư vào Công ty Cổ phần Hưng Thịnh Phát Việt Nam (đã đổi tên thành Công ty Cổ phần PJACA GROUP) số tiền góp vốn là 24.000.000.000 đồng trong đó 30% vốn điều lệ. Sau khi công ty cổ phần PJACA GROUP tăng vốn điều lệ lên 200 tỷ, công ty chiếm 12% vốn điều lệ. Công ty đã góp đủ số vốn trên từ trước thời điểm 31/12/2015.

- Khi vốn điều lệ của Công ty Cổ phần PJACA GROUP tăng lên 300 tỷ đồng thì theo quyết định của Hội đồng quản trị số 200901/QĐ-HĐQT ngày 20/09/2018 về việc mua thêm cổ phần của PJACA GROUP, ngày 26/09/2018 Công ty góp thêm 12.000.000.000 đồng nâng số vốn góp của công ty tại PJACA GROUP lên 36.000.000.000 đồng tương đương chiếm 12% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần PJACA GROUP.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN MBG
Số 906 Nguyễn Khoái, tổ 10, Q. Hoàng Mai, TP. Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
Bản Thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Hiện tại PJACA GROUP đang hoạt động sản xuất kinh doanh bình thường; Ngành nghề đang hoạt động là: xây dựng nhà các loại; sản xuất các loại bao bì nhựa; chai pet; các sản phẩm và vỏ hộp từ nhựa; năm 2020 hoạt động sản xuất kinh doanh Công ty có lãi. Tại ngày 31/12/2020 lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là 1.079.277.093 đồng, vốn chủ sở hữu là 303.598.147.225 đồng.

Người đại diện theo Pháp luật của Công ty CP PJACA GROUP là Bà Đặng Thị Tuyết Lan.

(2) Công ty CP VCADO GLOBAL

- Theo Quyết định của Hội đồng quản trị số 67/QĐ-VN của Công ty ngày 30/03/2015 về việc góp vốn và chi định người quản lý phần vốn góp của Công ty tại Công ty Cổ phần MBG Công nghệ và Truyền thông (đã đổi tên thành Công ty Cổ phần VCADO GLOBAL) số tiền góp vốn là 12.000.000.000 đồng tương đương 40% vốn điều lệ. Công ty đã góp đủ số vốn trên từ trước thời điểm 31/12/2015.

- Theo Nghị quyết của Hội đồng quản trị số 12121/NQ-HĐQT ngày 12/12/2018, Công ty góp thêm 36.000.000.000 đồng, tổng số vốn góp là 48.000.000.000 đồng chiếm 40% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần VCADO GLOBAL, vốn điều lệ của Công ty Cổ phần VCADO GLOBAL là 120.000.000.000 đồng.

- Hiện tại Công ty Cổ phần VCADO GLOBAL đang hoạt động kinh doanh bình thường; ngành nghề đang hoạt động là xây dựng nhà các loại, kinh doanh thương mại dịch vụ; năm 2020 hoạt động kinh doanh của Công ty có lãi. Tại ngày 31/12/2020 lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là 4.221.891 đồng, vốn chủ sở hữu là 120.286.820.647 đồng.

(3) Công ty Cổ phần MBG Lạc Sanh Phú Yên

- Theo Quyết định Hội đồng Quản trị số 140901/QĐ-HĐQT ngày 14/09/2017 về việc góp vốn và chi định người quản lý phần vốn tại Công ty Cổ phần MBG Lạc Sanh Phú Yên, tổng số vốn góp 18.000.000.000 đồng chiếm 60% vốn điều lệ của MBG Lạc Sanh Phú Yên.

- Theo Quyết định Hội đồng Quản trị số 111201/QĐ-HĐQT của Công ty ngày 11/12/2017 về việc không mua thêm cổ phần phát hành thêm của Công ty Cổ phần MBG Lạc Sanh Phú Yên làm giảm tỷ lệ sở hữu phần vốn góp của Công ty từ 60% vốn điều lệ xuống còn 36%.

- Theo Quyết định Hội đồng Quản trị số 110701/2019/QĐ-HĐQT ngày 11/07/2019 về việc thay đổi điện phần vốn góp và nhận chuyển nhượng phần vốn góp trị giá 6.000.000.000 đồng để nâng phần vốn góp của Công ty tại Công ty Cổ phần MBG Lạc Sanh Phú Yên từ 18.000.000.000 đồng lên 24.000.000.000 đồng, chiếm 48% tổng số vốn điều lệ tại Công ty Cổ phần MBG Lạc Sanh Phú Yên.

Công ty Cổ phần MBG Lạc Sanh Phú Yên đã được UBND tỉnh chấp thuận chủ trương đầu tư số 1414/QĐ-UBND Tỉnh Phú Yên ngày 10/09/2019 đối với dự án: "Du lịch nghỉ dưỡng suối khoáng nóng Lạc Sanh với tổng vốn đầu tư khoảng 196,65 tỷ đồng", mục đích phục vụ nhu cầu du lịch của du khách trong và ngoài nước, góp phần phát triển ngành du lịch tỉnh Phú Yên. Công ty đang triển khai và hoàn tất các thủ tục đầu tư theo kế hoạch đã được UBND Tỉnh Phú Yên phê duyệt.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN MBG

Số 906 Nguyễn Khoái, tổ 10, Q. Hoàng Mai, TP. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản Thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Hiện tại Công ty Cổ phần MBG Lạc Sanh Phú Yên đang trong giai đoạn đầu tư dự án nên chưa phát sinh doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ. Tại ngày 31/12/2020 lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là 194.844.374 đồng, vốn chủ sở hữu là 50.381.781.153 đồng.

Người đại diện theo pháp luật của công ty là Ông Phạm Huy Thành

(4) Công ty Cổ phần Zone Việt

- Theo Quyết định của Hội đồng quản trị số 231101/QĐ-HĐQT của Công ty ngày 23/11/2017 về việc góp vốn và chỉ định người quản lý phần vốn góp của công ty tại Công ty Cổ phần Zone Việt, số tiền góp vốn là 40.000.000.000 đồng tương đương 40% vốn điều lệ. Công ty đã góp đủ số vốn trên vào ngày 30/11/2017.

- Hiện tại Công ty Cổ phần Zone Việt đang hoạt động kinh doanh bình thường; ngành nghề đang hoạt động là Xây dựng nhà các loại, kinh doanh thương mại dịch vụ; năm 2020 hoạt động kinh doanh của Công ty có lãi. Tại ngày 31/12/2020 lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là 86.816.998 đồng, vốn chủ sở hữu là 100.199.469.767 đồng.

Công ty Cổ phần Zone Việt được đổi tên từ Công ty CP MBG Hòa Bình từ ngày 20/01/2020 theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần 2 do Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh Hòa Bình cấp.

(5) Công ty Cổ phần PJACA Phú Yên

- Theo Quyết định của Hội đồng quản trị số 170901/QĐ-HĐQT của Công ty ngày 17/09/2018 về việc góp vốn và chỉ định người quản lý phần vốn góp của Công ty tại Công ty Cổ phần PJACA Phú Yên, số tiền góp vốn là 15.000.000.000 đồng tương đương 15% vốn điều lệ. Công ty đã góp đủ số vốn trên vào ngày 04/10/2018.

Ngày 19/11/2018 Công ty Cổ phần PJACA Phú Yên được chấp thuận chủ trương đầu tư Dự án Nhà máy sản xuất nhựa, bao bì cao cấp theo quyết định số 151/QĐ-BQLKKT ngày 19/11/2018 của UBND tỉnh Phú Yên, BQL Khu kinh tế Phú Yên, BQL Khu kinh tế Phú Yên với tổng mức đầu tư 200 tỷ đồng. Công ty đã sơ bộ hoàn tất các thủ tục pháp lý và chuẩn bị khởi công dự án.

- Hiện tại Công ty Cổ phần PJACA Phú Yên đang trong giai đoạn đầu tư dự án nên chưa phát sinh doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ. Tại ngày 31/12/2020 lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là 717.720.322 đồng, vốn chủ sở hữu là 100.941.169.379 đồng

Người đại diện theo pháp luật của công ty là Bà Đặng Thị Tuyết Lan.

(6) Công ty Cổ phần Công nghiệp Miền Trung

- Theo Quyết định của Hội đồng quản trị số 140901/QĐ-HĐQT của Công ty ngày 14/09/2018 về việc góp vốn và chỉ định người quản lý phần vốn góp của công ty tại Công ty Cổ phần Công nghiệp Miền Trung, số tiền góp vốn là 80.000.000.000 đồng tương đương 66,67% vốn điều lệ. Công ty đã góp đủ số vốn trên vào ngày 27/12/2018.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN MBG

Số 906 Nguyễn Khoái, tổ 10, Q. Hoàng Mai, TP. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản Thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

Ngày 19/11/2018 Công ty Cổ phần Công nghiệp Miền Trung được chấp thuận chủ trương đầu tư Dự án Nhà máy sản xuất sơn và chất phủ bề mặt số 1 theo quyết định số 150/QĐ-BQLKKT Ngày 19/11/2018 của UBND tỉnh Phú Yên, BQL Khu kinh tế Phú Yên, BQL Khu kinh tế Phú Yên với tổng mức đầu tư 300 tỷ đồng. Công ty đang tiến hành các thủ tục chuẩn bị đầu tư như: Xin cấp thông tin quy hoạch, môi trường, thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy chữa cháy, đánh giá tác động môi trường...

- Theo Quyết định của Hội đồng quản trị số 091201/2019/QĐ-HĐQT của Công ty ngày 09/12/2019 về việc chuyển nhượng phần vốn góp tại Công ty Cổ phần Công nghiệp Miền Trung với giá trị chuyển nhượng 3.000.000 cổ phần, mệnh giá chào bán 11.000 đồng/cổ phần tương đương với số tiền 33.000.000.000 đồng. Ngày 24/12/2019, Công ty đã hoàn thành việc chuyển nhượng 3.000.000 cổ phần cho các đối tác với giá chuyển nhượng là 11.000 đồng/cổ phần. Sau khi hoàn tất việc chuyển nhượng Công ty còn sở hữu 50.000.000.000 đồng vốn góp tương đương với 5.000.000 cổ phần tại Công ty Cổ phần Công nghiệp Miền Trung chiếm tỷ lệ sở hữu 41,67% vốn điều lệ.

- Hiện tại Công ty Cổ phần Công nghiệp Miền Trung đang trong giai đoạn đầu tư dự án nên chưa phát sinh doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ. Tại ngày 31/12/2020 lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là 41.865.150 đồng, vốn chủ sở hữu là 120.090.021.656 đồng.

(7) Công ty Cổ phần Green Island

- Theo Quyết định số 2231/UBND-NNTN ngày 18 tháng 12 năm 2020 của Ủy Ban Nhân dân Tỉnh Hòa Bình chủ trương cho Công ty CP Tập đoàn MBG nghiên cứu, khảo sát, lập dự án Biệt thự nghỉ dưỡng và du lịch sinh thái Green Island tại Đảo Xanh, xã Thung Nai, huyện Cao Phong, Ủy ban nhân dân Tỉnh có ý kiến đồng ý chủ trương cho Công ty Cổ phần Tập đoàn MBG được nghiên cứu, khảo sát lập dự án Khu đô thị sinh thái nghỉ dưỡng và vui chơi giải trí trên khu đất có diện tích khoảng 16,3 ha tại Đảo Xanh, xã Thung Nai, huyện Cao Phong, tỉnh Hòa Bình.

- Hiện tại, dự án đang trong giai đoạn đầu tư, chưa hình thành tài sản cố định. Tại ngày 31/12/2020 lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là 114.264.732 đồng, vốn chủ sở hữu là 80.114.264.732 đồng.



CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN MBG
Số 906 Nguyễn Khoái, tổ 10, Q. Hoàng Mai, TP. Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
Bản Thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

8. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a) Các khoản phải trả, người bán ngắn hạn				
- Công ty CP Tư vấn và Đầu tư South Street	2.514.305.620	2.514.305.620	2.514.305.620	2.514.305.620
- Công ty TNHH Xây dựng và thương mại kim khí Thành Hưng	-	-	31.783.785.852	31.783.785.852
- Công ty CP Vân Phong Toàn Cầu	-	-	6.067.634.956	6.067.634.956
- Công ty TNHH VIDEOCO Hà Thành	-	-	1.330.935.814	1.330.935.814
- Công ty CP Tập đoàn R&H	12.493.128.560	12.493.128.560	-	-
- Các nhà cung cấp khác			956.156.560	956.156.560
	15.007.434.180	15.007.434.180	42.652.818.802	42.652.818.802

9. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
Công ty Cổ Phần giải pháp thị trường Bàn Tay Lớn	81.659.600	-
Công ty Cổ phần PJACA Phú Yên	1.728.668.400	-
Công ty CP Xuân Nam Việt	1.147.000.000	-
Công ty TNHH Sumiriko Hose Việt Nam	-	126.918.000
	2.957.328.000	126.918.000

10. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	01/01/2020	Số phải nộp trong năm	Số thực nộp/khấu trừ	31/12/2020
	VND	VND	VND	VND
Thuế GTGT	-	71.723.730.363	71.723.730.363	-
Thuế TNDN	4.683.015.073	7.293.337.177	4.728.516.866	7.247.835.384
Thuế thu nhập cá nhân	-	17.598.175	1.242.630	16.355.545
Các loại thuế khác	-	147.904.786	147.904.786	-
	4.683.015.073	79.182.570.501	76.601.394.645	7.264.190.929

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN MBG
Số 906 Nguyễn Khoái, tổ 10, Q. Hoàng Mai, TP. Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
Bản Thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

11. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	01/01/2020		Số phát sinh trong kỳ		31/12/2020	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a. Vay ngắn hạn						
Vay ngắn hạn	16.747.000.008	16.747.000.008	52.708.000.000	56.585.000.000	12.870.000.008	12.870.000.008
Ngân hàng MB Bank - CN Điện Biên Phủ (1)	8.000.000.000	8.000.000.000	14.277.000.000	17.277.000.000	5.000.000.000	5.000.000.000
Ngân hàng Sacombank - CN Đống Đa (2)	8.500.000.000	8.500.000.000	19.780.000.000	27.780.000.000	500.000.000	500.000.000
Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam - CN Sở giao dịch (3)	-	-	18.651.000.000	11.528.000.000	7.123.000.000	7.123.000.000
Nợ dài hạn đến hạn trả						
Công ty TNHH MTV Tài chính Toyota Việt Nam	247.000.008	247.000.008	-	-	247.000.008	247.000.008
b. Vay dài hạn						
Công ty TNHH MTV Tài chính Toyota Việt Nam (4)	699.833.324	699.833.324	-	247.000.008	452.833.316	452.833.316
	699.833.324	699.833.324		247.000.008	452.833.316	452.833.316
	17.446.833.332	17.446.833.332	52.708.000.000	56.832.000.008	13.322.833.324	13.322.833.324

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN MBG

Số 906 Nguyễn Khoái, tổ 10, Q. Hoàng Mai, TP. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản Thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

(1) Ngân hàng MB Bank – CN Điện Biên Phủ:

Theo Hợp đồng tín dụng số 9268.20.051.1970764.TD ngày 16/03/2020:

Hạn mức cho vay 10.000.000.000 VND. Thời hạn cấp hạn mức từ ngày ký hợp đồng đến ngày 03/03/2021.

Mục đích vay: Cấp tín dụng phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh thiết bị điện, viễn thông, công nghệ thông tin (không bao gồm phần mềm). Lãi suất vay được quy định theo từng khế ước nhận nợ cụ thể.

Tài sản bảo đảm bao gồm: Bất động sản tại thửa đất số 108(1f) Tờ bản đồ số 6I-IV-25, địa chỉ: Lô 7 N1 Khu di dân Hồ Đình B, Tổ 24D, Phường Thanh Lương, Q. Hai Bà Trưng, Hà Nội theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BD 980682 do UBND quận cấp ngày 25/01/2011.

Số dư tại thời điểm 31/12/2020 là: 5.000.000.000 đồng

(2) Ngân hàng Sacombank – CN Đống Đa:

Theo hợp đồng tín dụng số LD 1929000052 ngày 14/10/2019:

Hạn mức cho vay 9.890.000.000 đồng. Hạn mức tín dụng được sử dụng ngay là 8.500.000.000 đồng. Thời hạn cấp hạn mức: 12 tháng từ ngày ký hợp đồng.

Mục đích vay: Quy định cụ thể trên từng lần cấp tín dụng. Lãi suất vay được quy định theo từng Văn kiện tín dụng.

Tài sản đảm bảo gồm 05 Bất động sản thuộc sở hữu của Ông Phạm Huy Thành, trị giá: 9.447.000.000 đồng.

Số dư tại thời điểm 31/12/2020 là: 500.000.000 đồng.

(3) Ngân hàng MSB – Chi nhánh Sở giao dịch

Theo hợp đồng số 043/2020/HĐTD ngày 20/3/2020:

Hạn mức cho vay: 10.752.000.000 đồng. Hạn mức tín dụng được cấp là 12 tháng kể từ ngày 28/02/2020.

Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động

Tài sản đảm bảo: Quyền sử dụng đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số: Bất động sản tại Thửa đất số: 32(1F) Tờ bản đồ số 24, địa chỉ: Thôn Đồng, Phường Thanh Trì, Q. Hoàng Mai, Hà Nội. Theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AO 653245 do UBND quận Hoàng Mai thành phố Hà Nội cấp ngày 10/07/2009.

Số dư tại thời điểm 31/12/2021 là: 7.123.000.000 đồng

(4) Công ty TNHH MTV Tài chính Toyota Việt Nam

Theo Hợp đồng tín dụng số 1000405327 ngày 30/10/2019:

Khoản vay 988.000.000 đồng. Thời hạn vay 48 tháng. Mục đích vay: mua xe ô tô nhãn hiệu Toyota. Lãi suất vay: 6,99%/năm áp dụng trong 6 tháng kể từ ngày giải ngân và được điều chỉnh 3 tháng/lần. Tài sản đảm bảo là: xe ô tô con 5 chỗ hiệu Toyota màu đen.

Số dư tại thời điểm 31/12/2020 là: 699.833.324 đồng (trong đó: Nợ dài hạn đến hạn trả là: 247.000.008 đồng)

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN MBG
Số 906 Nguyễn Khoái, tổ 10, Q. Hoàng Mai, TP. Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
Bản Thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

12. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu		Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận lũy kế chưa phân phối		Cộng
	VND	VND			VND	VND	
Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2019 đến 31/12/2019							
Số dư tại ngày 01/01/2019	418.400.000.000		(75.000.000)	1.028.350.238	15.023.689.663		434.377.039.901
Lãi/lỗ trong năm trước					21.174.424.879		21.174.424.879
Tăng khác		97.000.000			(97.000.000)		-
Phân phối lợi nhuận			(22.000.000)	424.708.836	(566.278.448)		(141.569.612)
Giảm khác							(22.000.000)
Số dư tại ngày 31/12/2019	418.400.000.000		-	1.453.059.074	35.534.836.094		455.387.895.168
Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2020 đến 31/12/2020							
Số dư tại ngày 01/01/2020	418.400.000.000			1.453.059.074	35.534.836.094		455.387.895.168
Tăng trong kỳ	262.552.000.000				-		262.552.000.000
Lãi/lỗ trong kỳ					28.730.934.966		28.730.934.966
Phân phối lợi nhuận				635.232.737	(13.398.976.984)		(12.763.744.247)
Giảm khác			(105.794.733)				(105.794.733)
Số dư tại ngày 31/12/2020	680.952.000.000		(105.794.733)	2.088.291.811	50.866.794.076		733.801.291.154

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN MBG

Số 906 Nguyễn Khoái, tổ 10, Q. Hoàng Mai, TP. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản Thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tình hình sử dụng vốn từ đợt chào bán cổ phiếu riêng lẻ:

Theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Tập đoàn MBG số 2001/2020/NQ-ĐHĐCĐ ngày 20/01/2020 về việc chào bán cổ phiếu, số tiền thu từ tăng vốn phát hành cổ phiếu riêng lẻ là 250.000.000.000 đồng được sử dụng với mục đích như sau:

1. Tạm ứng tiền mua vật tư cho Công ty TNHH Thương mại Hà Vinh 40 tỷ theo hợp đồng số 15/2020/HĐKT/HV-MBG, tổng giá trị hợp đồng là 40.506.788.028 đồng. Giá trị hoàn thành bàn giao và xuất hóa đơn trong năm 2021 là 40.506.788.028 đồng.
2. Tạm ứng tiền mua vật tư cho Công ty TNHH Videco Hà Thành 30 tỷ theo hợp đồng số 071001/HĐKT/2020/VIDECO-MBG, tổng giá trị hợp đồng là 37.518.997.098 đồng. Giá trị hoàn thành bàn giao và xuất hóa đơn trong năm 2020 là 1.694.554.072 đồng, giá trị hoàn thành và xuất hóa đơn trong năm 2021 là 986.865.919 đồng.
3. Tạm ứng tiền mua vật tư cho Công ty TNHH Xây dựng và thương mại Kim khí Thành Hưng 50 tỷ theo 02 hợp đồng số 081001/20/HĐKT/KKTH-MBG, giá trị hợp đồng là 21.400.000.000 đồng và số 071001/20/HĐKT/KKTH-MBG, giá trị hợp đồng là 28.600.000.000 đồng.
4. Tạm ứng tiền mua vật tư cho Công ty Cổ phần Vân Phong Toàn Cầu 130 tỷ theo 04 hợp đồng, chi tiết như sau:

Hợp đồng số 0510/2020/HĐKT/VPTC-MBG, tổng giá trị hợp đồng là 36.759.341.597 đồng, giá trị hoàn thành bàn giao và xuất hóa đơn trong năm 2021 là 5.588.000.000 đồng.

Hợp đồng số 0110/2020/HĐKT/VPTC-MBG, tổng giá trị hợp đồng là 36.579.993.379 đồng, giá trị hoàn thành bàn giao và xuất hóa đơn trong năm 2020 là 26.446.794.919 đồng, giá trị hoàn thành bàn giao và xuất hóa đơn trong năm 2021 là 10.133.198.460 đồng

Hợp đồng số 2109/2020/HĐKT/VPTC-MBG, tổng giá trị hợp đồng là 37.646.695.162 đồng, giá trị hoàn thành bàn giao và xuất hóa đơn trong năm 2020 là 37.646.695.162 đồng.

Hợp đồng số 1809/2020/HĐKT/VPTC-MBG, tổng giá trị hợp đồng là 36.049.723.833 đồng, giá trị hoàn thành bàn giao và xuất hóa đơn trong năm 2020 là 18.505.427.834 đồng, giá trị hoàn thành bàn giao và xuất hóa đơn trong năm 2021 là 18.291.381.055 đồng

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN MBG
Số 906 Nguyễn Khoái, tổ 10, Q. Hoàng Mai, TP. Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
Bản Thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	<u>31/12/2020</u>	<u>01/01/2020</u>
	VND	VND
Vốn góp của các đối tượng khác	680.952.000.000	418.400.000.000
	680.952.000.000	418.400.000.000

Cổ phiếu

	<u>31/12/2020</u>	<u>01/01/2020</u>
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu được phép phát hành	68.095.200	41.840.000
- Cổ phiếu phổ thông	68.095.200	41.840.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	68.095.200	41.840.000
- Cổ phiếu phổ thông	68.095.200	41.840.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	68.095.200	41.840.000
- Cổ phiếu phổ thông	68.095.200	41.840.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá 10.000 đồng/cổ phiếu		

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. DOANH THU

	<u>Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020</u>	<u>Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019</u>
	VND	VND
a) Tổng doanh thu		
- Doanh thu hoạt động sản xuất thương mại	467.182.085.682	471.197.830.113
- Doanh thu hoạt động thiết kế, thi công, cung cấp, lắp đặt thiết bị	250.054.217.861	191.744.695.333
	717.236.303.543	662.942.525.446
b) Doanh thu với bên liên quan		
c) Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-
- Hàng bán bị trả lại	-	-
Doanh thu thuần	717.236.303.543	662.942.525.446

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN MBG

Số 906 Nguyễn Khoái, tổ 10, Q. Hoàng Mai, TP. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản Thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

2. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019
	VND	VND
- Giá vốn hoạt động sản xuất thương mại	440.766.404.929	455.016.780.272
- Giá vốn hoạt động thiết kế, thi công, cung cấp, lắp đặt thiết bị	234.006.532.089	179.468.714.215
	674.772.937.018	634.485.494.487

3. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	11.476.229	4.717.699
Lãi bán các khoản đầu tư	-	3.000.000.000
	11.476.229	3.004.717.699

4. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019
	VND	VND
Lãi tiền vay	1.378.289.634	647.867.156
Hoàn nhập dự phòng đầu tư tài chính	-	5.081.228
	1.378.289.634	652.948.384

5. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019
	VND	VND
a, Chi phí bán hàng phát sinh trong kỳ	891.149.106	628.699.061
Chi phí nhân viên	817.643.847	506.991.077
Chi phí khấu hao tài sản cố định	73.505.259	121.707.984
b, Chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ	4.038.227.085	3.599.830.266
Chi phí nhân viên quản lý	1.658.311.605	668.785.511
Chi phí vật liệu, đồ dùng văn phòng	95.941.740	998.701.152
Khấu hao tài sản cố định	656.099.208	583.285.169
Thuế, phí, lệ phí	31.966.666	32.016.666
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.403.907.866	992.676.367
Chi phí bằng tiền khác	192.000.000	324.365.401

6. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	291.430.722.931	256.762.071.943
Chi phí nhân công	12.409.384.255	7.558.575.476
Chi phí khấu hao tài sản cố định	8.380.857.367	3.710.428.455
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.403.907.866	992.676.367
Chi phí bằng tiền khác	223.966.666	356.382.067
	313.848.839.085	269.380.134.308

7. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế TNDN theo tỷ lệ 20% trên thu nhập chịu thuế.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành trong kỳ được tính như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN MBG
Số 906 Nguyễn Khoái, tổ 10, Q. Hoàng Mai, TP. Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
Bản Thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020 VND	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019 VND
Lợi nhuận trước thuế	36.024.272.143	26.554.198.941
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế	214.904.786	110.876.424
<i>Trong đó:</i>		
<i>Hoàn nhập dự phòng nợ phải thu khó đòi</i>	-	-
<i>Chi phí không được trừ</i>	214.904.786	110.876.424
Thu nhập chịu thuế	36.239.176.929	26.665.075.365
Thuế suất áp dụng	20%	20%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	7.247.835.386	5.333.015.073
Thuế TNDN phải nộp bổ sung theo biên bản thanh tra thuế	45.501.791	46.758.989
Tổng chi phí thuế TNDN phát sinh trong năm	7.293.337.177	5.379.774.062

8. LÃI TRÊN CỔ PHIẾU

	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020 VND	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019 VND
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	28.730.934.966	21.174.424.879
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm Lợi nhuận kế toán để xác định Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:		
<i>Các khoản điều chỉnh tăng</i>		
<i>Các khoản điều chỉnh giảm</i>	(479.309.350)	(403.744.249)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	29.210.244.316	20.770.680.630
Số cổ phiếu phổ thông bình quân trong kỳ	47.744.717	41.840.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	612	496
Số lượng cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm	2.154.760	1.255.200
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	585	482

(*) Năm 2020 ước tính tỷ lệ trích quỹ khen thưởng phúc lợi năm nay bằng tỷ lệ trích quỹ năm trước (1% lợi nhuận sau thuế); thù lao HĐQT và BKS từ lợi nhuận sau thuế là: 192.000.000 đồng. Theo Nghị quyết thì Công ty dự kiến phát hành thêm 2.154.760 cổ phiếu để trả cổ tức, tỷ lệ trả cổ tức bằng cổ phiếu 5%. Theo đó, số lượng cổ phiếu phát hành thêm để trả cổ tức năm 2019 là: 2.154.760 cổ phiếu.

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. NGHIỆP VỤ VỚI BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan trong năm như sau:

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Công ty Cổ phần PJACA GROUP	Công ty liên kết/Người đại diện pháp luật là thành viên HĐQT MBG đồng thời là vợ ông Phạm Huy Thành - Người đại diện pháp luật MBG
Công ty Cổ phần VCADO GLOBAL	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần MBG Lạc Sanh Phú Yên	Công ty liên kết/Cùng người đại diện trước pháp luật là Ông Phạm Huy Thành
Công ty Cổ phần Zone Việt	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần PJACA Phú Yên	Công ty liên kết/Người đại diện pháp luật là thành viên HĐQT MBG đồng thời là vợ ông Phạm Huy Thành - Người đại diện pháp luật MBG
Công ty Cổ phần Công nghiệp Miền Trung	Công ty liên kết/Cùng người đại diện trước pháp luật là Ông Phạm Huy Thành
Công ty Cổ phần Quốc Bảo Vạn Ninh	Cùng người đại diện trước pháp luật là Ông Phạm Huy Thành
Công ty Cổ phần Green Island Ông Phạm Huy Thành	Công ty liên kết
Bà Đặng Thị Tiệp	Chủ tịch HĐQT - Người đại diện pháp luật Mẹ vợ Ông Phạm Huy Thành - Người đại diện pháp luật

Số dư phải thu, phải trả của Công ty với các bên liên quan như sau:

	<u>31/12/2020</u>	<u>01/01/2020</u>
	VND	VND
Phải thu khách hàng		
Công ty Cổ phần PJACA GROUP	-	373.535.604
Người mua trả tiền trước		
Công ty Cổ phần PJACA Phú Yên	1.728.668.400	-

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN MBG
Số 906 Nguyễn Khoái, tổ 10, Q. Hoàng Mai, TP. Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
Bản Thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong năm bao gồm:

	Cho năm tài chính kết thúc ngày <u>31/12/2020</u> VND	Cho năm tài chính kết thúc ngày <u>31/12/2019</u> VND
Góp vốn		
Công ty Cổ phần MBG Lạc Sơn Phú Yên	-	6.000.000.000
Công ty Cổ phần Công nghiệp Miền Trung	-	(30.000.000.000)
Công ty Cổ phần PJACA GROUP	-	16.500.000.000
Thuê văn phòng		
- Ông Phạm Huy Thành	240.000.000	240.000.000
- Bà Đặng Thị Tiệp	96.000.000	96.000.000
Thanh lý TSCĐ		
Công ty Cổ phần PJACA GROUP	-	339.577.822

Thu nhập các thành viên trong Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Giám đốc trong kỳ:

	Cho năm tài chính kết thúc ngày <u>31/12/2020</u> VND	Cho năm tài chính kết thúc ngày <u>31/12/2019</u> VND
Lương và thưởng	573.858.231	603.000.000
	<u>573.858.231</u>	<u>603.000.000</u>

2. BÁO CÁO THEO BỘ PHẬN

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Công ty lập Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là bộ phận báo cáo chính yếu vì rủi ro và tỷ suất sinh lời của Công ty bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về sản phẩm và dịch vụ do Công ty cung cấp. Các bộ phận theo khu vực địa lý là bộ phận báo cáo thứ yếu. Các hoạt động kinh doanh của Công ty được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm và dịch vụ do Công ty cung cấp với mỗi một bộ phận là một đơn vị kinh doanh chiến lược cung cấp các sản phẩm khác nhau và phục vụ các thị trường khác nhau.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN MBG
Số 906 Nguyễn Khoái, tổ 10, Q. Hoàng Mai, TP. Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
Bản Thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh (chính yếu)

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và các giá trị lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

Kỳ này:

Chỉ tiêu	Hoạt động sản xuất thương mại	Hoạt động thiết kế, thi công, cung cấp, lắp đặt thiết bị	Tổng cộng
Doanh thu	467.182.085.682	250.054.217.861	717.236.303.543
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-	-
Giá vốn hàng bán	440.766.404.929	234.006.532.089	674.772.937.018
Lợi nhuận gộp	26.415.680.753	16.047.685.772	42.463.366.525
Tổng giá trị còn lại của tài sản			783.962.710.133
Nợ phải trả			50.161.418.979
<i>Tổng chi phí phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác</i>			-
<i>Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn</i>			8.380.857.367
<i>Tổng giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền (trừ chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn)</i>			-

Kỳ trước:

Chỉ tiêu	Hoạt động sản xuất thương mại	Hoạt động thiết kế, thi công, cung cấp, lắp đặt thiết bị	Tổng cộng
Doanh thu	471.197.830.113	191.744.695.333	662.942.525.446
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-	-
Giá vốn hàng bán	455.016.780.272	179.468.714.215	634.485.494.487
Lợi nhuận gộp	16.181.049.841	12.275.981.118	28.457.030.959
Tổng giá trị còn lại của tài sản			520.473.161.230
Nợ phải trả			65.085.266.062
<i>Tổng chi phí phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác</i>			36.881.837.273
<i>Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn</i>			3.710.428.455
<i>Tổng giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền (trừ chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn)</i>			-

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN MBG

Số 906 Nguyễn Khoái, tổ 10, Q. Hoàng Mai, TP. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản Thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

Bộ phận theo khu vực địa lý (Phân loại hoạt động trong nước và ngoài nước)

Công ty chỉ hoạt động trong khu vực địa lý Việt Nam

3. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Nợ phải trả tài chính của Công ty chủ yếu bao gồm các khoản vay và nợ, các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác. Mục đích chính của những khoản nợ phải trả tài chính này là nhằm huy động nguồn tài chính phục vụ các hoạt động của Công ty. Công ty có các khoản cho vay, phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác, tiền mặt và tiền gửi ngân hàng phát sinh trực tiếp từ hoạt động của Công ty. Công ty không nắm giữ hay phát hành công cụ tài chính phái sinh.

Công ty có rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Nghiệp vụ quản lý rủi ro là nghiệp vụ không thể thiếu cho toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Giám đốc liên tục theo dõi quy trình quản lý rủi ro của Công ty để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Ban Giám đốc xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau.

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Giá thị trường có bốn loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ, rủi ro giá hàng hóa và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phần. Công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm các khoản vay và nợ, tiền gửi, các khoản đầu tư sẵn sàng để bán.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi ngân hàng, các khoản vay ngắn hạn, dài hạn chịu lãi suất thả nổi của Công ty.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách theo dõi chặt chẽ tình hình thị trường có liên quan, bao gồm thị trường tiền tệ và kinh tế trong nước và quốc tế. Trên cơ sở đó, Công ty dự tính và điều chỉnh mức đòn bẩy tài chính cũng như chiến lược tài chính theo tình hình hiện tại.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính biến động do thay đổi tỷ giá ngoại tệ hối đoái. Công ty quản lý rủi ro ngoại tệ bằng cách xem xét tình hình thị trường hiện hành và dự kiến khi Công ty lập kế hoạch mua và bán hàng hóa trong tương lai bằng ngoại tệ, ngoại trừ việc tăng tỷ lệ phòng ngừa rủi ro. Công ty không sử dụng bất kỳ công cụ tài chính phái sinh để phòng ngừa rủi ro ngoại tệ của mình.

Rủi ro về giá hàng hóa

Công ty có rủi ro về giá hàng hóa do thực hiện mua một số loại hàng hóa nhất định. Công ty quản lý rủi ro về giá hàng hóa thông qua việc theo dõi chặt chẽ các thông tin và tình hình có liên quan của thị trường hàng hóa nhằm quản lý thời điểm mua hàng, kế hoạch sản xuất và mức hàng tồn kho một cách hợp lý. Công ty chưa sử dụng các công cụ phái sinh đảm bảo để phòng ngừa các rủi ro về giá hàng hóa.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN MBG
 Số 906 Nguyễn Khoái, tổ 10, Q. Hoàng Mai, TP. Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
Bản Thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng không thực hiện các nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động sản xuất kinh doanh của mình (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng, nghiệp vụ ngoại hối và các công cụ tài chính khác.

Phải thu khách hàng

Công ty quản lý rủi ro tín dụng khách hàng thông qua các chính sách, thủ tục và quy trình kiểm soát của Công ty có liên quan đến việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng.

Công ty thường xuyên theo dõi các khoản phải thu khách hàng chưa thu được. Đối với các khách hàng lớn, Công ty thực hiện xem xét sự suy giảm trong chất lượng tín dụng của từng khách hàng tại ngày lập báo cáo.

Tiền gửi ngân hàng

Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến ở Việt Nam. Rủi ro tín dụng đối với số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi bộ phận kế toán của Công ty theo chính sách của Công ty. Rủi ro tín dụng tối đa của Công ty đối với các khoản mục trong bảng cân đối kế toán tại mỗi kỳ lập báo cáo chính là giá trị ghi sổ. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty giám sát rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền và các khoản vay ở mức mà Ban Giám đốc cho là đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng trên cơ sở đã được chiết khấu:

	<u>Từ 1 năm trở xuống</u> VND	<u>Từ 1 năm trở lên</u> VND	<u>Tổng cộng</u> VND
Tại ngày 31/12/2020			
Tiền và các khoản tương đương tiền	20.440.647.731	-	20.440.647.731
Phải thu khách hàng	158.628.931.534	-	158.628.931.534
Phải thu về cho vay	-	-	-
Trừ:	(61.283.500)	-	(61.283.500)
Dự phòng phải thu khó đòi	(61.283.500)	-	(61.283.500)
Tổng cộng	196.203.957.994	-	196.203.957.994
Các khoản vay và nợ	12.870.000.008	452.833.316	13.322.833.324
Phải trả người bán	15.007.434.180	-	15.007.434.180
Phải trả, phải nộp và chi phí khác	11.300.812.416	-	11.300.812.416
Tổng cộng	39.178.246.604	452.833.316	39.631.079.920
Chênh lệch thanh khoản thuần	157.025.711.390	(452.833.316)	156.572.878.074

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN MBG
Số 906 Nguyễn Khoái, tổ 10, Q. Hoàng Mai, TP. Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
Bản Thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Từ 1 năm trở xuống	Từ 1 năm trở lên	Tổng cộng
	VND	VND	VND
Tại ngày 01/01/2020			
Tiền và các khoản tương đương tiền	19.540.261.951	-	19.540.261.951
Phải thu khách hàng	187.476.447.463	-	187.476.447.463
Các khoản đầu tư	-		-
Trừ:	(61.283.500)	-	(61.283.500)
Dự phòng phải thu khó đòi	(61.283.500)	-	(61.283.500)
Tổng cộng	206.955.425.914	-	206.955.425.914
Các khoản vay và nợ	16.747.000.008	699.833.324	17.446.833.332
Phải trả người bán	42.652.818.802	-	42.652.818.802
Phải trả, phải nộp và chi phí khác	604.973	-	604.973
Tổng cộng	59.400.423.783	699.833.324	60.100.257.107
Chênh lệch thanh khoản thuần	147.555.002.131	(699.833.324)	146.855.168.807

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN MBG
Số 906 Nguyễn Khoái, tổ 10, Q. Hoàng Mai, TP. Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
Bản Thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

Bảng dưới đây trình bày giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý của các công cụ tài chính được trình bày trong báo cáo tài chính của Công ty.

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phân ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên tham gia, ngoại trừ trường hợp bất buộc phải bán hoặc thanh lý.

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý VND
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	20.440.647.731	20.440.647.731	19.540.261.951	19.540.261.951
Phải thu của khách hàng	158.628.931.537	158.567.648.034	187.476.447.463	187.415.163.963
Tổng cộng	196.265.241.497	196.203.957.994	207.016.709.414	206.955.425.914
Nợ phải trả tài chính				
Phải trả cho người bán	15.007.434.180	15.007.434.180	42.652.818.802	42.652.818.802
Các khoản vay và nợ	13.322.833.324	13.322.833.324	17.446.833.332	17.446.833.332
Phải trả, phải nộp và chi phí khác	11.300.812.416	11.300.812.416	604.973	604.973
Tổng cộng	39.631.079.920	39.631.079.920	60.100.257.107	60.100.257.107

Công ty sử dụng phương pháp và giá định sau đây được sử dụng để ước tính giá trị hợp lý:

- Giá trị hợp lý của tiền mặt và tiền gửi ngân hàng, các khoản phải thu khách hàng, cho vay ngắn hạn, các khoản vay và nợ ngắn hạn, các khoản phải trả người bán, và nợ phải trả ngắn hạn khác tương đương với giá trị ghi sổ của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ hạn ngắn; và
- Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính mà giá trị hợp lý không thể xác định được một cách chắc chắn được trình bày bằng giá trị ghi sổ.

4. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 đã được Công ty TNHH Kiểm toán TTP kiểm toán.

5. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THỨC KỲ KẾ TOÁN

Ban Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu cần phải được điều chỉnh hay trình bày trong Báo cáo tài chính của Công ty.

Hà Nội, ngày 24 tháng 3 năm 2021



Nguyễn Thị Quyên
Người lập biểu



Nguyễn Thị Bích
Kế toán trưởng



Phạm Huy Thành
Chủ tịch HĐQT



CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN MBG CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 2603/CV-MBG

(v/v: Giải trình lợi nhuận năm 2020)

Hà Nội, ngày 26 tháng 03 năm 2020

**Kính gửi: - ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC
- SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI**

Căn cứ Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài Chính hướng dẫn về việc lập công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Công ty Cổ phần tập đoàn MBG giải trình việc lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp trong báo cáo tài chính năm 2020 biến động tăng hơn 10% so năm 2019. Cụ thể như sau: -

- Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN Năm 2019: 21.174.424.879 đồng.
- Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN Năm 2020: 28.730.934.966 đồng.

Chênh lệch tăng: 7.556.510.087 đồng tương đương với tỷ lệ tăng: 36% so với năm trước nguyên nhân do:

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2020	Năm 2019
1	2	3	4	5
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	717.236.303.543	662.942.525.446
2. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		717.236.303.543	662.942.525.446
3. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	674.772.937.018	634.485.494.487
4. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		42.463.366.525	28.457.030.959
5. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	11.476.229	3.004.717.699
6. Chi phí tài chính	22	VI.4	1.378.289.634	652.948.384
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		1.378.289.634	647.867.156
7. Chi phí bán hàng	25	VI.5	891.149.106	628.699.061
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.8	4.038.227.085	3.599.830.266
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		36.167.176.929	26.580.270.947
10. Thu nhập khác	31			12.804.418
11. Chi phí khác	32	VI.6	142.904.786	38.876.424
12. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		(142.904.786)	(26.072.006)
13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		36.024.272.143	26.554.198.941
14. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.8	7.293.337.177	5.379.774.062
15. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		28.730.934.966	21.174.424.879
16. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	70	VI.9	612	496
17. Lãi suy giảm trên cổ phiếu (*)	71		585	482

- Doanh thu bán hàng năm 2020 tăng so với năm 2019 là 54.293.778.097 đồng tương ứng với tỷ lệ tăng 8.2% do doanh nghiệp ký kết được nhiều hợp đồng kinh tế hơn so với năm trước.
- Giá vốn hàng bán năm 2020 tăng so với năm 2019 là 40.287.442.531 đồng tương đương với tỷ lệ tăng 6.35%. Tỷ lệ tăng giá vốn không tương ứng với tỷ lệ tăng doanh thu nên lợi nhuận trước thuế TNDN tăng so với năm trước.

Trên đây là nguyên nhân chính làm ảnh hưởng tới kết quả hoạt động kinh doanh năm 2020 của công ty.

Công ty cổ phần tập đoàn MBG cam kết nội dung trong công văn giải trình trên đây là trung thực và chính xác.

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



CHỦ TỊCH HĐQT
Phạm Huy Thành

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- HĐQT, BTGD, BKS (b/c);
- CBTT (Website);
- Lưu HC, TCKT.

